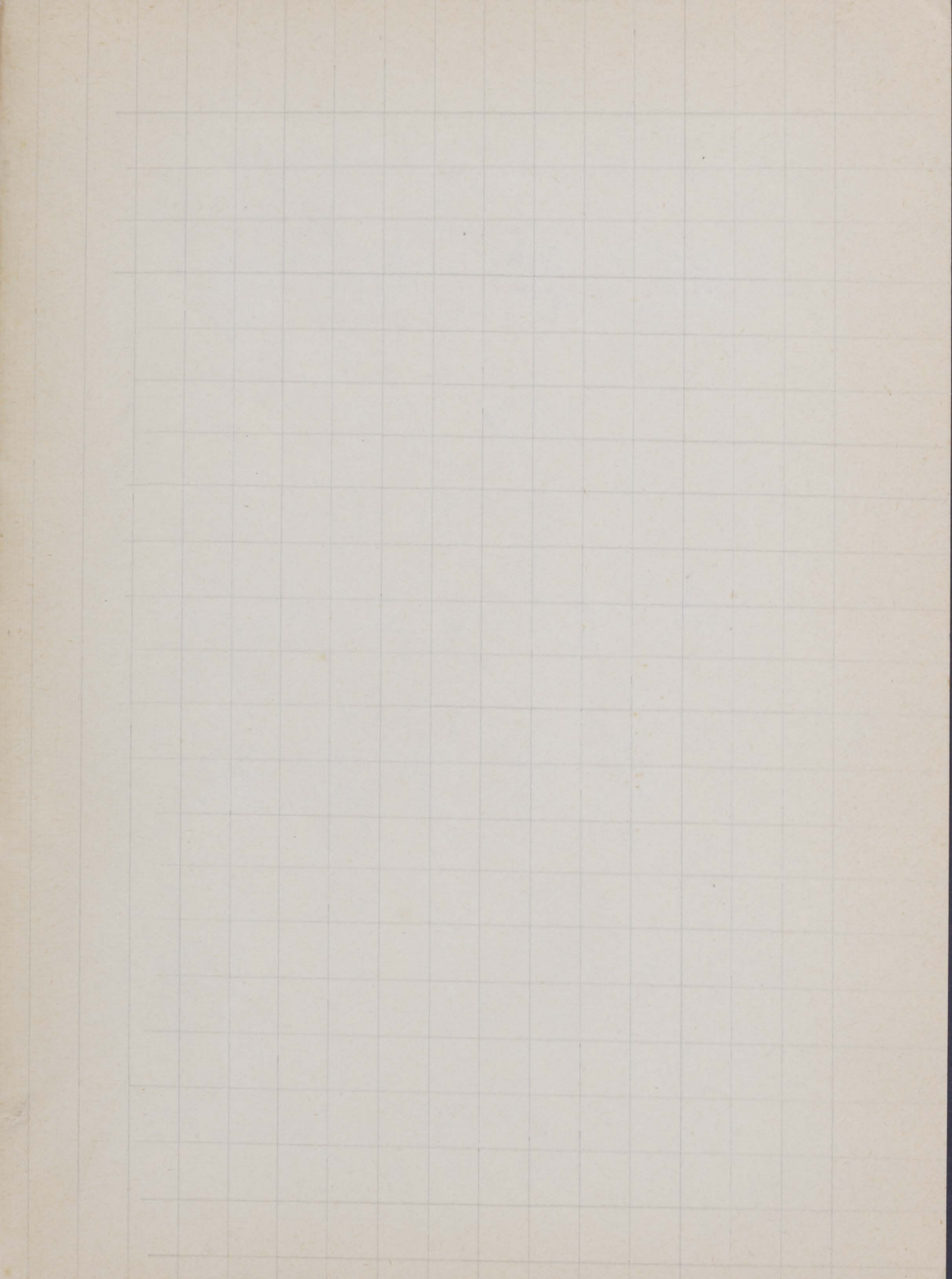


Bướm hoa tân truyến



傳新花蛇

Truyền Tân Hoa Sủm

AN. 73

A B ✓

刊新八年泰成

板藏堂文盛

監 勸 容 於 蓮 農

Giám khuyên khách ở trên đời

安 制 朱 沛 別 啞 輟 數

An chế cho phải biết như trước sau

停 輕 輝 渚 悵 霸

Đứng khinh khó chớ cay già

古 初 啞 術 數 猪 又

Cổ sơ như vẽ sau trước - 4

埃 霸 仁 祗 色 暴

Đi già hai họ bao giờ

空 埃 輝 典 匹 茂 腐 怙

Không ai khó đến ba đời ma lo

箕 如 弓 策 埃 扞

Khia như cái quả ai vò

梗 花 埃 曰 別 朱 世 吊

Cánh hoa ai viết biết cho thế nào - 8

崗 箕 埃 搭 腐 高

Núi kia ai đắp ma cao

淹 箕 波 意 埃 陶 腐 淒

Sông kia bờ ấy ai đào ma sâu

渌	潮	埃	薩	埃	派
Nước	chào	ai	tal	ai	khỏi

12- 干 蓮 辰 世 干 末 如 空
 Còn lên thời thế còn rồi như không

叢	校	榜	意	埃	橈
Giũa	ruộng	cây	ai	ai	giống

稻 吞 埃 裊 以 簞 金 鳥
 cbặt giới ai lay lam lòng kim o

啞	貼	造	化	机	圖
Gâm	xem	tao	hoá	cơ	đồ

16- 情 算 拱 丕 敖 迤 妥 茂
 Tình toán cũng vậy ngao du thoả đôi

極	戈	閑	事	在	吞
Chẳng	qua	muôn	sự	tại	giới

大 生 埃 拱 却 歟 腐 催
 Đại sinh ai cũng kiếp người ma thời

吏	枕	漢	傳	貼	制
Lại	đem	Hàn	truyền	xem	chối

20- 啗 啗 項 羽 英 宜 埃 當
 Ăn khen Hạng Vũ anh ai đương

力 能 舉 鼎 拔 山
Lực năng cử đỉnh bạt sơn

身 長 八 尺 漢 皇 也 驚
Thân trường bát xích Hán hoàng đa kinh

吏 貼 西 代 東 征
Lai tem tây đại đông chinh

百 戰 百 勝 也 迎 尙 丞
Bách chiến bách thắng đa ứng chơn - 24

埃 哈 垓 下 变 移
Ôi hay Cai - hạ biến rời

漢 王 一 勝 蓮 魁 治 位
Hán vương nhất thắng lên ngồi trị vị

從 容 固 進 艾 欺
Thong dung cố tiến một khi

計 制 各 跡 麻 推 事 丞
Kế? chới các tích ma suy sự - 28

於 茂 余 几 悵 裁
ở? dãi dư kê? cày tai

爭 坤 爭 窖 埃 埋 特 尅
Tranh khôn tranh khéo ai may được nhiều

余 得 唆 於 別 調
thầy người ăn ở biệt điều

32- 塊 渡 輕 弄 呐 料 滇 又
khối đò khinh sóng nói liệu chan chan

窖 台 榷 公 人 間
khéo thay công nhân gian

皦 靛 呐 汶 外 盤 咄 𠵼
nói nói một ngoài bàn ra ba

催 又 𠵼 恣 拱 罍 𦵏
chúi thối nói ừ cũng là

36- 皮 太 綯 𦵏 省 𦵏 花 兜 麻
Bê thái mào 𦵏 tiếng giảng hoa đầu ma

悲 𦵏 計 跡 𦵏 花
Bây gio kê tích bướm hoa

埃 貼 典 傳 計 咄 買 詳
ôi xem đến truyện kê ra may tưởng

特 排 事 𦵏 燼 煉
Đặc bày sự bướm rồ rang

40- 形 殊 時 𦵏 𦵏 𦵏 育
hình thù thì 𦵏 tiếng sang ai tây

帶 歪 泣 各 成^種 枝^樓
Dài giới khắp các canh cây

花 兜 蛇 帝 聘 排 飯 堆
Hoa đầu buồn đầy sảnh bày no đôi

庄 吟 閣 鳳 樓 臺
Chàng e các phường lầu đài

覓 花 時 典 埃 辰 禁 垠
Thầy hoa thi đến ai thi cấm ngấn

蛇 浪 解 余 淌 春
Buồn rừng năm mây thàng xuân

啞 制 朱 妥 風 塵 買 覓
Ồn chơi cho thoa phong trần mảy nao

吏 低 悔 容 顰 桃
Lại đầy hối khách mảy đào

群 空 咍 屯 兀 吊 称 斤
Còn không hay đà nổi nào xưng cân

他 鄉 返 客 故 人
Chưa hương gặp khách cố nhân

輶 恚 支 忙 拈 真 世 吊
Cam lòng chi chít nghi chân thế nào

52-

閉 *Bây* 吟 *ngay* 永 *vĩnh* 仍 *những* 渴 *khát* 嗔 *khao*
 悲 *Bây* 徠 *giơ* 情 *trình* 吟 *hỏi* 少 *lâm* 牢 *sao* 咳 *hỏi* 情 *trình*

計 *kế* 之 *chi* 蓮 *lên* 托 *thác* 窳 *zưởng* 崇 *gên*
 旌? *đầy* 低 *đầy* 探? *biết* 别 *biết* 冲 *trong* 撑 *xanh* 添 *suối* 吊 *nào*

花 *hoa* 浪 *lãng* 計 *kế* 祀 *lạy* 清 *thanh* 台 *thời*
 兜 *Đâu* 慍 *uui* 平 *bằng* 會 *hội* 蓬 *bông* 菜 *lai* 啍 *tiếng* 吨 *đôn*

56-

一 *nhất* 冲 *trong* 罌 *lã* 泔 *nước* 上 *thường* 源 *nguyên*
 潺 *Suối* 群 *còn* 固 *có* 啍 *tiếng* 砒 *đá* 强 *cứng* 之 *chi* 之 *chi*

吊 *Véo* 唄 *von* 唐 *đường* 筈 *xóm* 边 *bên* 坡 *bờ*
 桃 *Đào* 群 *còn* 待 *đợi* 柳 *liêu* 色 *bao* 徠 *giơ* 朱 *cho* 冲 *xung*

60-

極 踈 出 矜 遇 遶
Chang' thừa ra da' la' lư'ng

嚙 出 吊 別 浪 恚 固 聃
ra nao' bi'et r'ang' l'ong' co' nghe

於 低 仍 尚 穷 溪
o' d'ay' nh'ung' n'ui' c'ung' khe

眞 參 膝 矜 哨 螭 吟 愁
Chân' bung' da' ti'eng' ve' g'oi' sầu - 64

得 如 閣 鳳 重 樓
Ng'oi' nh'ư' g'ac' ph'uong' tr'ung' lâu

少 之 卿 相 公 侯 每 尼
Chi'eu' gi' kh'anh' t'uong' công' h'au' m'oi' n'oi

得 如 遷 擢 紳 吞
Ng'oi' nh'ư' m'ây' ki'eo' gi'ua' gi'oi'

碎 如 愧 瑣 盟 制 度 帑
C'oi' nh'ư' kh'oi' to'ả' gi'ám' ch'oi' đ'ộ' n'ao' - 68

蛇 浪 埃 客 鴈 桃
Bi'om' r'ang' h'oi' kh'ách' m'á' đ'ao'

禎 尼 箕 底 搭 赴 朱 埃
Chân' n'ay' loan' đ'ể' đ'áp' vào' cho' ai'

72-

催	又	低	也	別	束		
<i>Chôi</i>	<i>thời</i>	<i>đây</i>	<i>đây</i>	<i>biết</i>	<i>rồi</i>		
包	徠	少	几	蓮	茂	才	花
<i>Bao</i>	<i>giờ</i>	<i>thiếu</i>	<i>ke'</i>	<i>trên</i>	<i>dời</i>	<i>tài</i>	<i>hoa</i>
埃	喂	昨?	買	油	腐		
<i>ai</i>	<i>oi</i>		<i>máy</i>	<i>du</i>	<i>mà</i>		
強	搗	挺?	夥	強	糲	失	緣
<i>Cang</i>	<i>so</i>		<i>lắm</i>	<i>cang</i>	<i>già</i>	<i>thất</i>	<i>duyên</i>
蓮	嫩	徐	式	修	仙		
<i>Liên</i>	<i>non</i>	<i>Chữ</i>	<i>Chức</i>	<i>tu</i>	<i>tiên</i>		

76-

玄	光	修	佻	於	边	帶	厨
<i>Huyền</i>	<i>Quang</i>	<i>tu</i>	<i>phật</i>	<i>ở</i>	<i>bên</i>	<i>dưới</i>	<i>chùa</i>
中	間	群	景	真	迄		
<i>Trung</i>	<i>gian</i>	<i>còn</i>	<i>cảnh</i>	<i>chân</i>	<i>du</i>		

踎	喙	女	夥	工	夫	埃	填
<i>Cheo</i>	<i>dời</i>	<i>nữ</i>	<i>lắm</i>	<i>công</i>	<i>phu</i>	<i>ai</i>	<i>điền</i>
他	乎	志	立	辰	臧		
<i>Chà</i>	<i>hồ</i>	<i>chí</i>	<i>lập</i>	<i>thời</i>	<i>nên</i>		

80-

修	緣	秦	晋	安	待?	草	花
<i>Cu</i>	<i>duyên</i>	<i>Cần, Cẩn</i>	<i>yên</i>			<i>thảo</i>	<i>hoa</i>

花 浪 剗 呐 哨 出^崇
Hoa rãng rây nôi sường sùng

拱 曾 屯 别 斯 賒 每 塘
Củng từng đả biểt gān sa mại trường

艾 罌 緣 煖 炤 則^香
Abê lai duyên bển lửa hương

朱 停 買 儿 雪 霜 别 共
Cho đình mǎy kê tuyết sương biểt cụng 84

仍 罌 恩 惡 住? 傳?
Những lai ăn oán

妥 愠 埃 别 朱 恚 尼 諸
Hỏi buồn ai biểt cho lòng này chử

魂 梅 迷 水? 失? 疏?
Hồn mai mê thủy thất sơ

催 信 螭 蛇 吏 書 晋 秦
Chôi tin ong bướm lại thư Cấn, Tân 88

強 唄 強 汶 吝 呻
Cang van cang mêt lân thân

迤 分 牢 極 汶 分 扒 朱
Huôi phân sao chẳng mêt phân bắi cho

呐 咄 斫 吏 悟 殊

Nói ra to' lại then tho'

淹 咄 辰 悖 味 怍 啗 沁

Em ra thối sớ chua lừa tiếng tắm

極 傷 兌 恹 仍 惺?

Chẳng thường đoái chui' nhũng

緦 絲 尫 曲 如 熵? 如 紆

Mỏi tơ chín khúc như như vò

蚊 浪 沛 呐 訕 蘇

Bướm rãng phải nói nhỏ to

固 如 罌 沒^渡 麻 跼 濃 淪

Cố như la' mất^{độ} mà giò nung sâu

襖 數 極 默 拱 槽

Ố lâu chẳng mặc cũng sâu

花 箕 符 買 特 牟 緣 庄

Hoa kia giữ mãi được mầu duyên chàng

屯 造 緣 細 閣 藤

Đã đưa duyên lối các tảng

鳴 群 想 遯 瞋 腴 矧 徐

Chim con tưởng gió' trũng giăng thẩn thơ

	當	干	渫	瀆	瀆	又	
	<i>Dương</i>	<i>còn</i>	<i>niều</i>	<i>đục</i>	<i>lô</i>	<i>lô</i>	
襟	襟	待	別	色	徠	朱	冲
<i>Cầm</i>	<i>sao</i>	<i>dời</i>	<i>biết</i>	<i>lao</i>	<i>giơ</i>	<i>cho</i>	<i>trung</i>
	悴	情	恹	仍	難	中	
	<i>Chui</i>	<i>trình</i>	<i>xoà</i>	<i>những</i>	<i>trẻ</i>	<i>trung</i>	
牢	娘	於	准	林	穷	闭	吟
<i>Sao</i>	<i>nuang</i>	<i>ở</i>	<i>chốn</i>	<i>lâm</i>	<i>cung</i>	<i>bây</i>	<i>ngâm</i>
	慍	制	鳴	岗	花	林	
	<i>Vui</i>	<i>chối</i>		<i>núi</i>	<i>hoa</i>	<i>lâm</i>	
容	塵	余	几	別	凡	開	塘
<i>Khách</i>	<i>trần</i>	<i>mấy</i>	<i>kể</i>	<i>biết</i>	<i>nơi</i>	<i>khai</i>	<i>đường</i>
	啗	翁	絲	害	訴	詳	
	<i>Khen</i>	<i>ông</i>	<i>tơ</i>	<i>khéo</i>	<i>lở</i>	<i>trường</i>	
麻	枕	些	典	貝	娘	結	緣
<i>Mà</i>	<i>đệm</i>	<i>ta</i>	<i>đến</i>	<i>với</i>	<i>nuang</i>	<i>kết</i>	<i>duyên</i>
	花	浪	別	准	林	泉	
	<i>Hoa</i>	<i>lãng</i>	<i>biết</i>	<i>chốn</i>	<i>lâm</i>	<i>tuyền</i>	
清	台	趣	味	塵	緣	怡	悽
<i>Thanh</i>	<i>thời</i>	<i>thú</i>	<i>vị</i>	<i>trần</i>	<i>duyên</i>	<i>khái</i>	<i>vong</i>

歪 撐 汙 又 朧 沖
Giới xanh leo leo giăng trong

俸 兜 干 瀟 同 又 細 尼
Bổng đầu còn gió cùng cùng lái nời

幅 幘 埃 窖 銖 撈
Bức tranh ai khéo vẽ với

啗 朧 花 窖 紂 得 如 空
Cưỡng giăng hoa khéo bước người như không

撈 芒 丐 啗 鵬 紅
lầu mang cái tiếng má hồng

悵 才 悵 色 英 雄 約 泓
Cày tài cây sắc anh hùng ước ao

孖 情 想 忖 別 色
Chữ tình tưởng nhớ biệt bao

少 沖 少 愁 渴 滴 恚 塵
Liếm trong thiếu não khát khao lòng trần

忖 埃 群 固 欺 寅
Nhớ ai còn có khi gần

忖 情 別 余 汙 分 果 慚
Nhớ tình biệt mây muôn phần quả khuây

絲 紅 攪 買 曾 練

Sơ hồng gĩn mǎi từng giầy

妬 埃 撐 綢 愁 尼 朱 蝕

Đố ai gồ mồi sầu này cho ra

固 臆 料 膝 腓 斜

Cố ỷ ngại bọng găng tà

僻 枚 侯 木 哨 鵲 噲 猓

Sao mai hầu mộc tiếng ga gọi con

曄 又 清 衍 耽 輪

Băng băng thanh thản sơn

吏 添 猓 猿 啼 湊 邊 崇

Lại thêm con vượn véo von bên gênh

刼 吒 丐 女 傾 城

Chém cha cái nọ khuyển thành

仍 罌 恣 哨 默 名 蓬 莪

Những lầy tiếng mặc danh trên dơi

責 緣 鉏 吏 恨 莪

Trách duyên và lại giận dơi

哨 埃 窖 達 仍 啞 蛇 蝮

Giếng ai khéo dặt những nhữ bủn ong

汶 淹 渌 汨 堆 潤
chất sông nước chảy đôi dòng

132 -

別 甕 麻 跣 特 恚 朱 當
Biệt dậu mài giơ được lòng cho đang

蛇 浪 蹇 呐 添 強
Buồm rãng thấy nói thêm càng

想 踰 麻 吏 怙 傷 旦 得
Cưởng minh mài lại nhớ thường đến người

紅 顏 易 余 蓮 茂
Hoàng nhan dễ mây trên đôi

136 -

花 蕢 曾 課 得 遡 固 辰
Hoa thườn từng thuở người chơi có thì

仍 調 腴 邇 計 之
Những điều giảng gần kê chi

賒 欸 乙 拱 固 欺 吏 斯
Xa xôi ất cũng có khi lại gần

玉 珠 璽 結 鄧 春
Ngọc - Châu xiá kết Đặng - Xuân

140 -

紅 娘 吁 炤 汶 吝 麻 臧
Hoàng - nương xin lửa một lần mài nên

尾 之 堆 孖 情 緣
ve chi doi chu tinh duyên

模 功 香 炤 添 煩 慙 輪
chua cong huong lua them phien long son

抄 牢 朱 院 朱 賄
nghe sao cho ven cho tron

矯 麻 慙 買 諾 徽 牢 停
keo ma then may nuoc non sao danh 144

困 吟 也 願 貝 情
khon may da nguyen voi tinh

吊 埃 負 義 三 生 油 麻
dao ai phu nghia tam sinh du ma

決 慙 細 景 探 花
quyet long toi canh tham hoa

庄 修 固 典 塵 執 少 之
chuong tu co den chien gia lam chi 148

韜 外 秦 晋 狹 之
cuoi ngoai tan tan hep gi

吊 慙 廣 大 慈 悲 兜 吊
dao long quang dai tu bi dau nao

船 漁 細 隹 洞 桃
Thuyền ngư tời chôn đống đào

152- 補 功 眼 哧 約 泓 闭 迟
Bổ công gản bó ước ao bải chầy

花 浪 邁 動 霜 隹
Hoa rãng gió đống bay

屯 挽 禽 典 隹 尼 朱 安
Đũ đem minh đến chôn này cho yên

俸 兜 埃 窖 吹 鍼
Bổng đầu ai khéo xui nên

156- 信 螭 使 蝶 吏 添 絆 慙
Cin oug sứ điệp lại thêm bản lòng

瀆 群 打 買 極 冲
Dục cõn đánh mãi chẳng trong

寔 愜 固 打 特 庄 唉 煩
Thực uui có đánh được chẳng hời phiền

蛇 浪 咳 客 婢 娟
Buồm rãng hời khách thuyên quyen

160- 屯 冲 如 這 染 顛 之 麻
Đũ trong như giả nhuộm đen chi mã

趾	鮑	鍾	淮	園	花	
<i>Biểu</i>	<i>vào</i>	<i>trung</i>	<i>chôn</i>	<i>vuôn</i>	<i>hoa</i>	
庄	賚	拱	梅	汶	邈	梗
<i>Chang</i>	<i>thôn</i>	<i>cung</i>	<i>hai</i>	<i>một</i>	<i>và</i>	<i>cánh</i>
	貼	浪	默	客	蓬	莪
	<i>Bem</i>	<i>răng</i>	<i>mặc</i>	<i>khách</i>	<i>trên</i>	<i>dời</i>
底	停	芒	哨	咄	得	冬
<i>Đế</i>	<i>danh</i>	<i>mang</i>	<i>tiếng</i>	<i>ra</i>	<i>người</i>	<i>đông</i>
	決	如	姁	避	晒	糲
	<i>Quyết</i>	<i>như</i>	<i>à</i>		<i>tay</i>	<i>giã</i>
採	鞭	轉	持	哂	麻	潘
<i>Thái</i>	<i>Sao</i>	<i>chuyển</i>	<i>trước</i>	<i>nói</i>	<i>mà</i>	<i>phạm</i>
	花	浪	膝	月	漏	又
	<i>Hoa</i>	<i>răng</i>	<i>bóng</i>	<i>nguyệt</i>	<i>lâu</i>	<i>lâu</i>
俸	兜	埃	律	緄	愁	如
<i>Bổng</i>	<i>dầu</i>	<i>ai</i>	<i>nhất</i>	<i>mỗi</i>	<i>Sầu</i>	<i>như</i>
	哨	埃	豎	吓	事	恚
	<i>Khen</i>	<i>ai</i>	<i>giám</i>	<i>ngó</i>	<i>sự</i>	<i>lòng</i>
雪	霜	停	貂	冷	涕	臆
<i>Tuyết</i>	<i>sương</i>	<i>danh</i>	<i>chịu</i>	<i>lạnh</i>	<i>lưng</i>	<i>tâm</i>
						冬
						<i>đông</i>

尾 之 汶 幅 謹 封
Vẽ chi một bức cẩn phong

172. 啞 初 左 可 朱 衝 默 得
Yê Xưa Chàng khá cho xông mặc người

左 聒 融 拱 吮 啞
Chàng nghe ra cũng nếm nhủi

字 緣 臧 妬 啗 噍 在 埃
Chữ duyên nên đố tiếng cười tại ai

蛇 浪 催 渚 蕞 啞
Bướm rãng thời chớ rậm nhủi

176. 人 生 效 於 蓮 莪 啗 終
Nhân sinh sô ở trên đờ khen chung

晦 制 群 大 遇 遶
Hoài chới côn đại lạ lưng

汶 低 汶 帝 恪 恣 之 左
Đề dầy một đấng khải lòng chi chàng

才 情 特 余 姁 姁
Cái tình đượ mây a' hàng

180. 女 吊 底 客 帶 腴 待 徐
Nữ nào đế khách dưới giảng dãi chờ

吟 *Nê'* 情 *tình* 臧 *nên* 沛 *phải* 尽 *tận* 辞 *từ*

秦 *Cần* 低 *đầy* 晋 *lân* 帝 *đầy* 色 *bao* 徠 *giơ* 朱 *cho* 臧 *nên*

悲 *Bây* 徠 *giơ* 淹 *sông* 浪 *lãng* 漾 *nuộc* 安 *yên*

巢 *Sào* 箕 *kia* 屯 *ta* 遣 *chở* 朱 *cho* 船 *thuyền* 迎 *sang* 渚 *chùa* 184

戾 *Lệ* 欺 *khi* 声 *thanh* 氣 *khí* 弭 *nhẹ* 恒 *hằng*

陵 *Giăng* 箕 *kia* 決 *khuyết* 怒 *nộ* 埃 *ai* 扛 *giăng* 朱 *cho* 出 *ra*

腰 *Yêu* 桡 *cây* 臧 *nên* 沛 *phải* 厨 *râu* 花 *hoa*

為 *Ni* 情 *tình* 臧 *nên* 沛 *phải* 色 *vào* 出 *ra* 買 *mãi* 情 *tình* 188

潮 *Chiều* 蓮 *lên* 弄 *sông* 漾 *nuộc* 童 *long* 冷 *lạnh*

花 *Hoa* 賚 *thờm* 嗷 *ngào* 吸 *ngạt* 莫 *lạ* 撐 *xanh* 吏 *di* 又 *di*

斛 斛 碑 砂 鑿 罽
Nghẽn năm bia đá tạc ghi

192- 仍 啞 脰 遼 折 之 燕 要
Nhiềng nhồi giăng giò chẻ gĩn ến anh

啞 誓 群 妬 停 又
Nhồi thề cùn dố rãnh rãnh

油 埃 單 泊 虎 蓮 堆 暈
Dầu ai đơn bạc hổ trên đôi vãng

花 浪 催 吏 燔 煉
Hoa rãng thôi lại rỗ rãng

196- 啍 啍 窖 訖 蓮 梗 固 花
Biềng khen khiố tồ trên ngảnh có hoe

屯 修 固 抒 之 賒
Đũ tu có nghĩ gĩn xa

牢 麻 枕 啍 脰 花 此 情
Lao mã otên tiếng giăng hoa thừ̃ tình

咏 瞋 鶯 唢 边 梗
Vãng nghe oanh hát bên ngảnh

200- 曉 罽 柳 屯 茈 萌 拂 披
Chũng ra liễu đả būng măng phất phơ

炤 香 窖 默 情 期

Liêu hương kheo nhe tinh co

貼 厨 清 永 空 師 修 行

Xem chua thanh vãng không sư tu hành

於 低 淡 湏 度 崇

O' thay da' gap genh

客 情 固 竈 船 情 尼 空

Khách tinh co' xuong thuyen tinh nay không

吟 群 想 忖 徽 蓬

Hay con tuong nho non bong

椿 嘹 竹 化 樓 紅 清 台

Thong reo truc hoa lau hong thanh thoi

吟 罍 屯 願 固 尼

Hay la' da' nguyen co' noi

船 輪 只 待 徐 得 情 鍾

Thuyen son chi' doi cho' nguoi tinh chung

花 浪 吊 固 選 逞

Hoa rang nao co' la' lung

抄 浪 恁 屯 別 恁 辰 催

Nghi rang lung da' biet lung thi' thoi

埃 悵 吏 左 信 唾
ai ngô lai chǎng tin nhồi

212 - 帶 塵 余 儿 别 得 知 音
Đuối trần may kê biêl người tri âm

固 緣 如 果 蹶 味
Cố duyên như quả mùi

空 緣 如 翹 花 涑 矧 塘
Không duyên như cánh hoa ròi giũã đường

意 浪 埃 拱 啣 鍾
Ý rãng ai củng liềng chuông

216 - 渚 誇 才 色 捥 撻 之
Chở khoe tài sắc vẩy vung lâm chi

蛟 浪 懌 意 順 情
Bướm rãng đẹp ý thuận tình

哂 肝 鉄 矜 拱 停 朱 衝
Dẫu gan sắt đả củng đánh cho xông

臧 空 決 罕 停 空
Nên không quyết hãn đánh không

220 事 命 麻 吏 柁 恚 晦 埃
Sự mệnh mã lại đả lòng húi ai

	花	浪	坦	疆	厽	高	
	<i>Hoa</i>	<i>rãng</i>	<i>đắt</i>	<i>rông</i>	<i>giới</i>	<i>cao</i>	
風	情	固	少	之	尼	風	情
<i>Phong</i>	<i>tình</i>	<i>có</i>	<i>thiếu</i>	<i>gi</i>	<i>nời</i>	<i>phong</i>	<i>tình</i>
	屯	浪	牢	固	修	行	
	<i>Đã</i>	<i>rãng</i>	<i>sao</i>	<i>có</i>	<i>tu</i>	<i>hành</i>	
牢	麻	紹	庫	芒	經	旦	厨
<i>Sao</i>	<i>mã</i>	<i>chưu</i>	<i>khó</i>	<i>mang</i>	<i>kinh</i>	<i>đen</i>	<i>chua</i> ²²⁴
	悴	情	仍	丐	蜉	蜉	
	<i>Giết</i>	<i>tình</i>	<i>những</i>	<i>cái</i>	<i>phư</i>	<i>du</i>	
舂	更	刻	快	肱	秋	吏	𪔐
<i>Nằm</i>	<i>canh</i>	<i>khắc</i>	<i>khỏi</i>	<i>đêm</i>	<i>thu</i>	<i>lại</i>	<i>giây</i>
	𧈧	浪	𠵽	吏	朱	𠵽	
	<i>Bướm</i>	<i>rãng</i>	<i>nời</i>	<i>lại</i>	<i>cho</i>	<i>hay</i>	
鳳	凰	牢	塊	細	榑	梧	桐
<i>Phượng</i>	<i>hoàng</i>	<i>sao</i>	<i>khỏi</i>	<i>tối</i>	<i>cây</i>	<i>ngô</i>	<i>đồng</i> ²²⁸
	悲	徠	恚	屯	別	恚	
	<i>Bây</i>	<i>giờ</i>	<i>lòng</i>	<i>đã</i>	<i>biết</i>	<i>lòng</i>	
固	如	𠵽	𠵽	逕	逕	渚	𦏧
<i>Có</i>	<i>như</i>	<i>lạ</i>	<i>lúc</i>	<i>lạ</i>	<i>lưng</i>	<i>chưa</i>	<i>quen</i>

吝 戈 滕 桂 旂 塹
Lâm qua bóng quế thêm

232- 朽 禽 想 客 鍾 𪔐 知 音
Nghe minh tưởng khách chung người tri âm

惜 台 花 沛 葛 淋
Biếc thay hoa phải cáh lâm

瞞 薊 司 馬 麻 吐 埃 喂
Loi quồng sư mã mã nhâm ai ời

愁 辰 埃 強 𠂇 鮮
Sầu thời ai quồng lam tươi

236- 矯 欺 月 咲 花 𪔐 極 咍
Kẻo khi nguyệt miá hoa cười chẳng hay

花 浪 悵 啣 渫 尼
Hoa rãng quen tiếng nước này

事 情 汶 帝 汶 低 封 之
Sự tình một đấng một đấng gi

曉 𪔐 𪔐 樸 𪔐
Brông người trung bức pháe phi

240 女 才 價 意 當 辰 成 色
Nữ tài giá ỹ đáng thi thành bao

債 得 宮 禁 樓 高

Brách người cung cấm lâu cao

禍 罌 煖 特 怙 吊 女 催

Họa lầ bên được chửi nào nữa thôi

居 光 宅 余 蓮 茂

Cư quang nhà mây trên đời

嚼 花 曉 覽 拱 派 年 紅

Dấu hoa trông thấy cũng phai màu hồng

群 庄 客 於 嫩 蓬

Còn chảng khách ở non bông

弮 兜 顏 色 形 容 罌 澄

đầu nhan sắc hình dung lầ chĩnh

蛇 浪 蓮 晦 宮 腋

Bướm rãng lên hời cung giảng

固 欺 拱 攪 赤 繩 車 緣

Cố khi cũng mướn xích thừng xe duyên

啞 几 晦 寔 客 仙

Nhời phàm hời thực khách tiên

圭 兜 耄 祇 根 原 世 吊

Quê đầu tên họ căn nguyên thế nào

當 干 平 地 波 濤
Quảng còn bình địa ba dào
 彭 兜 麻 吏 尋 臥 旦 低
Di đầu ma lại tìm vào đến dầy

催 停 想 遡 曉 遽
Chơi dừng tưởng gió' tưng mây

絲 秦 織 晉 產 低 朱 束
Co tân chi' tân sản dầy cho rôi

花 浪 咄 極 料 啞
Hoa rãng nói chẳng liệu nhai

緣 得 吏 固 緣 歪 買 臧
Duyên người lại có duyên giới mới nên

侈? 怵? 初 六 則 耄
Sầy' chui' xưa lúc bói tên

准 空 辰 跋? 准 願 左 衝
Chôn không thời chon nguyên chẳng xong

六 於 默 經 鳴 鴻
Lúc ưa mới lười chim hồng

埃 咍 必 宰 別 輶 机 歪
Ai hay tất tước biểi trong cơ giới

麴 塵 裊 帝 麻 瞞

Quặng trần lay đày mại soi

料 牢 朱 沛 蓮 茂 買 饒

Liệu sao cho phải ở đời may nhau

蛇 浪 咄 汶 之 數

Buồm năng ra một chi lâu

催 停 迟 輅 邀? 數 女 情

Chối dừng trì trước yêu sau nữa tình

女 牢 塊 啗 頤? 莖?

Nữ sao khối tiếng

決 恚 輪 鉄 底 名 勳 茂

Quyết lòng son sắt đáy danh trong đời

翺? 香 皮 戰? 胡? 外

huương vĩa ngoai

睞 瞞 屯 覓 汶 夥 情 鍾

Nhắc trông đũa thấy một người tình chung

月 花 堆 字 惱 懷

Nguyệt hoa đài chữ nảo nung

左 符 轢 屯 迷 恚 杏 春

Chàng bua thuốc đũa mê lòng hạnh xuân

272-

	花	浪	波	愛	源	恩	
	Hoa	rãng	bê?	ái	nguồn	ân	
計	牢	朱	掣	餒	塘	蹊	賒
Kế?	Sao	cho	xiết	nôi?	đường	dâm	xa
	庄	生	拱	哨	僻	沙	
	Chưởng	xinh	củng	tiếng	sao	sa	
庄	資	拱	体	罍	花	杓	艚
Chưởng	thơm	củng	thể?	lài	hoa	ngầu	tàu
	也	算	用	斫	留	侯	
	Đã	toan	dụng	chước	Lưu	hầu	

276-

双	離	策	矩?	波	淒	坤	踰
Song	le	qua?		bê?	sâu	khôn	gió
	固	埃	別	餒	尼	朱	
	Có	ai	biết	nôi?	ngay	cho	
汶	駒	強	搗	強	怙	添	強
Uên	minh	cang	nghi?	cang	lo	thêm	cang
	責	埃	牢	極	料	塘	
	Trách	ai	sao	chẳng	liệu	đường	

280-

僻	才	低	帶	曲	江	狹	回
Sao	tài	đầy	đuông	khúc	giang	hẹp	hồi

吊 兜 波 擴 淹 戛
Nào đầu bē' nòng sông dai'

少 之 竜 鳳 約 願 冷 夷
Chiếu gi' long phượng ước nguyện

隻 船 杜 渡 容 營
Chiếc thuyền đồ bên dung dinh

徐 朱 特 客 鍾 情 跣 罍
Chơ cho đặc khách chung tình bước ra

蚊 浪 此 咕 墀 花
Bướm rãng thú vườn hoa

戈 遡 風 景 貼 罍 世 吊
Qua chơi phong cảnh xem ra thế nào

吨 低 固 客 鵬 桃
Đôn dầy có khách mai đào

朱 臧 余 沛 尋 色 典 低
Chơ nèn mây phải tìm vào đèn dầy

悲 徐 鵲 鳳 逞 排
Bây giờ loan phượng sánh bày

桃 東 憫 晦 柳 西 沃 啞
Đào đông muôn hời liễu tây một nhời

抄 牢 唉 客 章 臺
Nghe~ Sao hoi khách chường tại

292-

些 吟 仍 几 罌 得 才 名
Ca nay những kẻ lã người tài danh

女 才 聘 介 朱 生
Nữ tài sảnh mạy Chu sinh

如 鷗 鵲 遙 如 燂 魴 雷
Như ư giớ như như

抄 牢 朱 院 霖 塘
Nghe~ Sao cho ven trâm đường

296-

極 罌 湟 矜 派 鑛 麻 催
Chang lã nãl đá phai vãng mã thôi

抄 浪 愜 丕 麻 遡
Nghe~ rãng vui vậy mã chỏi

屯 遡 固 少 之 尼 有 情
Đã chỏi có thiếu gì nôi hữu tình

埃 喂 渚 倍 誇 躬
Đi ời chớ vôi khoe mình

300-

春 群 鰲 几 才 名 還 茂
Xuân côn lãm kẻ tài danh lạ đời

啗 湖 仍 諾 群 為
Điêng hồ những nước còn với

花 蓮 以? 也 沛 堦 葛 淋
Hoa sen đã phải giầy cái lấm

慢? 桃 妬 沛 諾 深?
Mãn đào妬 phải nước

如 群 絨 價 買 霖 罌 澄
Như còn nên giá mảy trâm là chĩnh 304

花 聒 啞 噤 如 槽
Hoa nghe cay đắng như gừng

愁 禪 吏 底 朝 陵 裊 恚
Sầu thiền lại đế chiều giăng lay lòng

催 又 拐 吏 朱 穷
Chôi thôi nghĩ lại cho cùng

景 情 兑 典 鳴 輦 買 堯
Cảnh tình đoái điển chim lông mảy nao 308

銖 之 沒 翹 花 桃
Ve? gì một cánh hoa đào

啗 貳 賒 仄 覩 色 朱 埃
Điêng găn xa ấy đồ? vào cho ai

否	戈	催	蟬	吏	對	
<i>Buĩ</i>	<i>qua</i>	<i>thời</i>	<i>đúng</i>	<i>lại</i>	<i>ngồi</i>	
占	色	青?	情?	塊	梅	眯 眈
<i>Chiêm</i>	<i>bao</i>			<i>hồn</i>	<i>mai</i>	<i>mơ mâng</i>

蛇	浪	僚?	洒?	倍	鑽
<i>Buồm</i>	<i>vãng</i>			<i>vội</i>	<i>vàng</i>

催	停	玗?	裊	每	塘	庄	臧
<i>Chôi</i>	<i>đứng</i>		<i>lây</i>	<i>mại</i>	<i>đường</i>	<i>chàng</i>	<i>nên</i>

忸	之	欣	女	忸	緣
<i>Nhỏ</i>	<i>gi</i>	<i>hơn</i>	<i>niểu</i>	<i>nhỏ</i>	<i>duyên</i>

齋	鑽	渚	易	覩	垺	恚	輪
<i>Nghin</i>	<i>vàng</i>	<i>chứa</i>	<i>ễ</i>	<i>đủ</i>	<i>đền</i>	<i>long</i>	<i>ton</i>

固	香	囟?	膝	膝	踰
<i>Cố</i>	<i>hương</i>		<i>bóng</i>	<i>giảng</i>	<i>tròn</i>

強	睽	猿	唢	吊	奔	強	愁
<i>Cương</i>	<i>nghe</i>	<i>vuôn</i>	<i>hát</i>	<i>véo</i>	<i>von</i>	<i>cang</i>	<i>sầu</i>

淹	銀	渚	北	衝	球
<i>Lông</i>	<i>ngân</i>	<i>chứa</i>	<i>bắc</i>	<i>xong</i>	<i>cầu</i>

腓	蟬	尢	曲	燂	油	如	汙
<i>Phôi</i>	<i>lầm</i>	<i>chín</i>	<i>khúc</i>	<i>giải</i>	<i>giầu</i>	<i>như</i>	<i>vo</i>

魄 枚 魄 桂 矧 疎
Hồn mai phách quế thân thơ

戢 鑕 𧈧 𧈧 𧈧 𧈧 𧈧 𧈧
Giác vãng buồm rập duã

挨 蓮 檣 晦 朧 𧈧
ai lên muốn hỏi giảng già

縵 𧈧 朱 縵 𧈧 𧈧 𧈧 𧈧
Giấy dâu cho muốn lấy và mười giây

緣 初 𧈧 固 世 𧈧
Suyên xưa dâu có thế này

𧈧 箕 本 蒂 陳 低 仍 𧈧
lúa Chu dâu trần dâu những người

為 埃 禁 𧈧 垠 𧈧
vi ai cấm gió ngàn sông

𧈧 朱 牛 女 𧈧 蒙 迎 求
Lam cho ngưu, nữ giới mong sang cầu

欺 彈 𧈧 六 恃 𧈧
Khi đàn lúc

𧈧 東 勾 傳 𧈧 𧈧 𧈧 𧈧
câu truyền xưa

味 蘭 銖 桂 祢 渚
cbui lan ve' quē' xing' chua'

332

注 萌 姝 騶 情 丰 黜 眼
mo' tinh thuc na nhin

冰 傾 聆 待 枚 尋
Bang' khuang' nay doi' mai' tim

計 功 别 余 閑 新 罍 功
Ke' cong' biet' may' muon' nghin' la' cong'

責 埃 極 院 孖 從
Grach' ai' chang' ven' chui' tong'

336

筭 聃 英 燕 負 慙 故 人
Coan' nghe' anh' yen' phu' long' co' nhan'

為 義 堆 孖 朱 陳
Vi' doi' chui' Chau' Coan'

朱 臧 聆 晉 埕 秦 溯 罍
Cho' nen' Ean' chinh' Ean' lang' lo'

當 干 淹 諾 沙 又
Duong' con' tong' nuoc' sa' sa'

340

掾 櫟 吏 妬 庄 戈 為 情
Chong' sao' lai' do' chang' qua' vi' tinh'

厨 吊 伏 拯 降 生

Chùa nào phải chăng giáng sinh

花 薺 埃 拯 援 梗 麻 迺

Hoa thối ai chẳng rớt cành mà chửi

呐 融 芒 啣 彰 啞

Nói ra mang tiếng lắm nhời

淹 融 辰 佳? 恚 得 世 莞

Êm ra thì long người thế nào 344

闭 吟 啞 慢 者 桃

Bây nay ăn mãn già đào

信 彰 信 吏 别 色 工 呈

Cin đi tin lại biết bao công trình

脍? 玉 唉 容 春 撑

vây hỡi khách xuân xanh

我 迎 沛 呐 底 情 厄 咭

Nga? nghiêng phải nói đề tình này hay 348

少 之 看? 懦? 杏 朋

Lam chi hạnh

麻 探? 榷? 湍 花 枚 淡 牟

Hà tống hoa mai điểm mầu

352.

吊	兜	淹	濶?	款	頭	
Nào	đầu	hồng		khẩu	đầu	
底	些	枕	覩	復?	愁	衝
Đế	ta	đệm	đồ		sầu	cho xông
責	埃	牢	庄	燂	恣	
Trách	ai	Nào	chàng	lô	lông	
筭	枕	盱?	此	英	雄	特 庄
Coan	đệm		thử	anh	hung	đặc chàng

356.

妬	埃	荼 ^禁	遯	又	停	容	樣
Đố	ai	cấm	gió	gió	đứng	dung	cây
睢 ^鶴	冀	群	別	跣	連		
Hoạc	kia	còn	biết	theo	mây		
哂	牢	瑟	拱	攄	績	阮	琴
Đầu	Nào	Sắc	củng	lũa	giây	ngon	cầm
花	浪	咳	客	知	音		
Hoa	rãng	hối	khách	tri	âm		
美	醇	固	者	情	深	買	出
Ngũ	giây	có	giả	tình	thâm	máy	

360

開	吟	信	撒	書	送		
Bãi	ngay	tin	guả	thư	đưa		
以	之	朱	雁	蓮	魚	別	憑
Lam	chí	cho	nhạn			biết	lòng
彈	翼	撒	六	膝	沖		
Đan	kia	gảy	lục	giống	trung		
吟	詩	白	雪	打	宮	春	情
Ngâm	thơ	bach	tuyết	đánh	cung	xuân	tình
聖	他	聖	說	如	生		
Thánh	tha	thánh	thoát	như	sinh		
以	之	煩	惱	底	情	矧	詩
Lam	chí	phiền	nao	đế	tình	thần	thơ
當	干	掣	幅	萌	疎		
Đương	còn	trá	bức	manh	thưa		
花	贅	嗽	吹	遶	送	冷	逞
Hoa	thêm	ngào	ngạt	gió	đưa	lạnh	lưng
船	埃	翼	待	边	淹		
Thuyền	ai	kia	đợi	bên	sông		
固	憑	遠	客	咍	空	咳	船
Cố	lòng	chỗ	khách	hay	không	hỏi	thuyền

蚯 箕 逦 渚 曾 悃
Bướm hĩa lả chúa từng quen

372- 恚 群 憫 晦 根 原 仝 啞
Long còn muôn hỏi căn nguyên mây nhời

船 松 渚 客 賒 制
Chuyền chớ khách xa chơi

空 仍 船 固 棟 尼 渡 尼
Không nhưng thuyền có đống nời bến này

花 箕 群 別 煖 榜
Hoa kia còn biể bên cây

376- 婵 娟 牢 塊 細 狎 芙 豪
Chuyền duyên sao khối nời tay anh hảo

纓 箕 染 諾 扶 桃
Nhiều kia nhuộm nước phù đào

乜 磋 輒 芮 別 色 徠 病
Đã xây nên núi biể bao giờ môn

孳 情 吏 礮 平 徽
Chũ tình lại nạng bằng non

380 春 群 蕩 又 情 群 漠 又
Buôn còn đàng đàng tình còn man man

盪 台 趣 味 清 閒

Núi thay thú vị thanh nhàn

人 生 典 世 異 欣 戾 之

Nhân sinh điển thế lạ hơn lệ gì

新 春 義 審 情 葩

Ngân xuân nghĩa thẩm tình ghê

沛 如 啞 毳 於 時 咳 埃

Phải như ăn xối ở thì hơi ai

花 浪 催 拱 別 得

Hoa rãng thôi cũng biết người

沈 以 之 女 世 嗤 得 吱

lắm chi nữa thế cười người chê

雪 霜 悵 几 移 術

Tuyết sương then kê di nghệ

箕 淹 怒 尚 啞 誓 渚 悃

Khĩa song nộ núi nhói thề chửa quên

蛇 浪 碑 鑿 群 你

Biền rãng bia tạc còn tên

埃 麻 負 泊 付 蓮 纔 紅

ai mà phụ bạc phó trên vầng hồng

392

悲	徠	恚	屯	別	恚
Bây	giơ	long	đā	biết	long
工	罌	登	垺	功	路
Công	lā	giới	đên	công	loa
叻	臭	叻	虎	賒	吹
Nai	xâu	nai	hồ	xa	xoi

貼	鍾	賦	意	覩	啞	冬	逗
Tem	trung	phủ	ây	đủ	nhỏ	đong	đũa
錦	徐	課	怒	典	徠		
Ngâm	tư	thuở	no	đên	giơ		

396

尔	啞	勾	嚙	初	又	極	差
lây	nhỏ	câu	vì	trở	trở	chẳng	Sai
朱	穢	固	達	尔	啞		
Cho	nên	có	đặt	mây	nhỏ		

酉	啗	拱	默	酉	喙	庄	牢
Dầu	thên	cũng	mặc	dầu	cười	chẳng	Sao
得	吊	種	性	得	吊		
Người	nào	giống	tính	người	nào		

400

意	埃	意	氏	攄	牢	朱	皮
y	ai	y	ây	lũa	Sao	cho	vừa

挽	勾	呬	𣎵	坤	皮		
<i>Uẩng</i>	<i>câu</i>	<i>miệng</i>	<i>cá'</i>	<i>khôn</i>	<i>vua</i>		
達	麻	啞	沛	悖	埃	吱	嘒
<i>Dạt</i>	<i>mā</i>	<i>nhô</i>	<i>phải</i>	<i>lỗ</i>	<i>ai</i>	<i>chê</i>	<i>cười</i>
傳	尼	任	剗	事	茂		
<i>Chuyền</i>	<i>ngay</i>		<i>chết</i>	<i>sự</i>	<i>đời</i>		
典	欺	從	且	貼	制	叛	之
<i>Điển</i>	<i>khì</i>	<i>thông</i>	<i>thả</i>	<i>xem</i>	<i>chối</i>	<i>giở</i>	<i>gi</i> 404

天子萬萬年

